

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày 05-02-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản,

Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Liên;

2. Ông Lê Đăng Huân;

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Mậu Tuấn - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Đức Bùi – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản, hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Khổng Thị D, sinh năm 1962; trú tại: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972; bà Phạm Thị P, sinh năm 1976; trú tại: Thôn B, xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Khổng Thị D trình bày:**

Ngày 02/02/2018, bà D có mua 6.000kg cà phê nhân xô và gửi lại kho của ông Q, bà P. Khi gửi cà phê cả P có viết vào giấy gửi giữ cà phê đề ngày 02/02/2018 có chữ ký của bà P. Quá trình gửi cà phê thì giữa bà D với ông Q, bà P chưa chốt bán cà phê cho nhau.

Ngày 04/02/2018, bà P có vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay bà P có viết giấy nợ đề ngày 04/02/2018 có chữ ký của bà P. Khi vay các bên thỏa thuận đến ngày 15/5/2018 sẽ trả, các bên thỏa lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Từ khi gửi cà phê, vay tiền cho tới nay thì vợ chồng ông Q, bà P chưa trả được khoản tiền nào cho bà D. Tuy nhiên, bà D có mua phân bón, vật liệu xây dựng của bà P để trừ nợ với tổng số tiền là 49.740.000 đồng.

Nay, bà D khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Q, bà P phải trả lại cho bà D cụ thể như sau:

- Đối với cà phê: 6.000kg cà phê nhân xô x 79.000 đồng/kg (giá cà phê ngày 05/02/2024) thành tiền 474.000.000 đồng;

- Tiền vay 50.260.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 04/02/2018 cho tới nay.

Ngoài ra, bà D không yêu cầu giải quyết thêm nội dung nào khác.

- *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị P, ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

Ngày 02/02/2018, bà D có mua 6.000kg cà phê nhân xô và gửi lại kho của ông Q, bà P. Thời điểm gửi cà giá 37.000 đồng/kg. Khi gửi cà phê bà P có viết vào giấy gửi giữ cà phê đề ngày 02/02/2018 có chữ ký của bà P. Quá trình gửi cà phê thì bà D chưa thỏa thuận bán 6.000kg cà phê nhân xô đã gửi cho ông Q, bà P.

Ngày 04/02/2018, bà P có vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay bà P có viết giấy nợ đề ngày 04/02/2018 có chữ ký của bà P. Khi vay các bên thỏa thuận đến ngày 15/5/2018 sẽ trả, các bên thỏa lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Quá trình vay tiền vợ chồng ông Q, bà P chưa trả được khoản tiền nào cho bà D. Tuy nhiên, bà D có mua phân bón, vật liệu xây dựng của bà P, ông Q để trừ nợ với tổng số tiền là 49.740.000 đồng.

Nay nguyên đơn bà Khổng Thị D khởi kiện thì vợ chồng ông Q, bà P đồng ý trả cho bà Khổng Thị D cụ thể như sau:

- Đối với cà phê: Vợ chồng ông Q, bà P đồng ý trả 6.000kg cà phê nhân xô cho bà Khổng Thị D (Bà D yêu cầu quy đổi cà phê thành tiền và yêu cầu bà P, ông Q phải trả bằng tiền thì vợ chồng ông Q, bà P không đồng ý).

- Đối với tiền vay: Vợ chồng ông Q, bà P đồng ý trả cho bà Khổng Thị D số tiền vay còn nợ 50.260.000 đồng. Đối với lãi suất của khoản tiền vay đề nghị bà D xem xét miễn tiền lãi cho vợ chồng ông Q, bà P.

Ngoài ra, ông Q, bà P không yêu cầu, ý kiến gì khác.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà

Không Thị D: Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị P phải trả cho bà Không Thị D 6.000kg (*Sáu ngàn kilôgam*) cà phê nhân xô.

Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị P phải trả cho bà Không thị D số tiền 104.565.930 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn, chín trăm ba mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc: 50.260.000 đồng; lãi suất 54.305.930 đồng (tiền lãi tạm tính đến hết ngày 05/02/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ, hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với hợp đồng gửi giữ tài sản: Ngày 02/02/2018, bà D có mua 6.000kg cà phê nhân xô của bà P, ông Q. Sau đó bà D gửi lại kho của ông Q, bà P. Khi gửi cà phê bà P có viết vào giấy gửi giữ cà phê đề ngày 02/02/2018 có chữ ký của bà P. Từ đó cho tới nay vợ chồng bà P, ông Q chưa trả cho bà D 6.000kg cà phê nhân xô nêu trên. Do đó, có thể xác định vợ chồng ông Q, bà P đang giữ của bà D 6.000kg cà phê nhân xô. Việc gửi giữ cà phê các bên đương sự đều thừa nhận và bị đơn đồng ý trả số lượng cà phê còn giữ của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của bà Không Thị D đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Q, bà P phải 6.000 kg cà phê nhân xô quy đổi thành tiền 6.000kg cà phê nhân xô x 79.000 đồng/kg thành tiền 474.000.000 đồng thì thấy: Ngày 02/02/2018, bà D gửi 6.000kg cà phê nhân xô cho ông Q, bà Phương. Ngoài ra các bên không có thỏa thuận nào khác. Từ ngày gửi cà phê cho tới ngày xét xử thì giữa bà D với ông Q, bà P không có thỏa thuận về việc chốt bán cà phê cho nhau. Vì vậy, tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản.

Tại Điều 554 Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng gửi giữ tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên giữ nhận tài sản của bên gửi để bảo quản và trả lại chính tài sản đó cho bên gửi khi hết thời hạn hợp đồng, bên gửi phải trả tiền công cho bên giữ, trừ trường hợp gửi giữ không phải trả tiền công*”.

Do đó, việc bà D yêu cầu trả 6.000 kg cà phê nhân xô quy đổi thành tiền là không có căn cứ. Vì vậy, cần buộc vợ chồng ông Q, bà P phải trả cho bà D 6.000kg cà phê nhân xô.

[2.2] Đối với hợp đồng vay tài sản: Ngày 04/02/2018, bà P có vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay bà P có viết giấy nợ đề ngày 04/02/2018 có chữ ký của bà P. Khi vay các bên thỏa thuận đến ngày 15/5/2018 sẽ trả, các bên thỏa lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Quá trình giải quyết vụ án các bên đều xác nhận số nợ nêu trên. Sau khi cho vay tiền thì bà D mua phân bón, vật liệu xây dựng của vợ chồng ông Q, bà P để cản trừ số tiền vay. Tổng số tiền bà D đã mua phân bón, vật liệu xây dựng là 49.740.000 đồng. Số tiền vợ chồng ông Q, bà P còn nợ bà D là 50.260.000 đồng. Do đó, căn cứ xác định vợ chồng ông Q, bà P đang còn nợ bà D 50.260.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Theo thỏa thuận lãi suất của các bên trong giấy vay tiền vượt quá 20%/năm. Giá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị Tòa án tính lãi suất với mức lãi suất là 1,5%/tháng (18%/năm) là có căn cứ. Do đó, lãi suất được tính cụ thể như sau:

$50.260.000 \text{ đồng} \times 18\%/năm \times 6 \text{ năm} \times 1 \text{ ngày (từ ngày 04/02/2018 đến ngày 05/02/2024)} = 54.305.930 \text{ đồng.}$

Tổng cộng: 104.565.930 đồng (tiền lãi suất tạm tính đến hết ngày 05/2/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Giá cà phê nhân xô ngày 05/02/2024 theo thị trường được xác định là 79.000 đồng/kg  $\times$  6.000kg = 474.000.000 đồng.

Cụ thể án phí bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị P phải chịu:  $20.000.000 \text{ đồng} + \{4\% \times (474.000.000 \text{ đồng} + 104.565.930 \text{ đồng}) - 400.000.000 \text{ đồng}\} = 27.143.000 \text{ đồng (làm tròn)}$ .

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 554; Điều 556; Điều 557; Điều 558; Điều 559 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khổng Thị D.

1. Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị P phải trả cho bà Khổng Thị D 6.000kg (Sáu ngàn kilôgam) cà phê nhân xô.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị P phải trả cho bà Khổng thị D số tiền 104.565.930 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn, chín

*trăm ba mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc: 50.260.000 đồng; lãi suất 54.305.930 đồng (tiền lãi tạm tính đến hết ngày 05/02/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị P phải chịu 27.143.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi ba ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- .....;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trương Xuân Hải**